TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH V**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 10 năm 2018
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về "tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh V

Nơi ở hiện nay: Thôn Th, xã D, huyện M, tỉnh H;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18/5/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 06/12/2010, trước khi kết hôn, anh, chị được tự do tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện M, tỉnh H. Sau khi tổ chức kết hôn xong, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh H ngay, đến tháng 8/2011 thì gia đình cho vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi bời, không quan tâm đến gia đình.

Từ tháng 10/2016, vợ chồng ly thân và cắt đứt mọi quan hệ, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4/2017 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 23/12/2010 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/02/2013. Hiện nay cháu H ở với chị, còn cháu H ở với anh H. Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu H, để anh H nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản tự khai ngày 22/5/2018 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/7/2018, anh Hòa trình bày: Anh xác định về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và thời gian ly thân đúng như trình bày của chị H. Còn về mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng có cãi chửi nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 02 con chung đúng như trình bày của chị H. Ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Giao cho chị H và anh H mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 18/5/2018, chị Dương Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn H. Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh V và thường xuyên có mặt tại địa phương. Do đó, đơn khởi kiện của chị H và việc thụ lý đơn, thụ lý, giải quyết vụ án

là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đều có mặt, còn anh H nhiều lần vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa chị H và anh H là cuộc hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H ham chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Chị H và anh H đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Xét đề nghị của chị H xin được ly hôn anh H thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H đã không còn, anh, chị đã ly thân một thời gian dài, nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm giữa hai người; mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh H cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, đề nghị của chị H xin được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của chị H và anh H về việc giao nuôi con chung thấy rằng: Quyền và nghĩa vụ của người bố và người mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là như nhau. Hiện nay, cháu H đang ở với chị H, còn cháu H đang ở với anh H. Cả hai cháu đều đang có cuộc sống, sinh hoạt ổn định. Vì vậy, cần giao cho chị H và anh H mỗi người nuôi 01 con chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 23/12/2010; giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/02/2013. Chị H và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Sau khi ly hôn, chị H và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0004783 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

Trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú của người vắng mặt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND D - M - H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.